

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND thành phố về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Huế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3952/QĐ-SXD ngày 12/8/2025 của Sở Xây dựng về việc ủy quyền ký một số văn bản thuộc lĩnh vực Cấp Giấy chứng nhận thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét Đơn đăng ký cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH MTV Điện Vũ Khôi ngày 25/6/2025 và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 17/7/2025;

Căn cứ báo cáo khắc phục tồn tại số ngày 05/8/2025 của Công ty TNHH MTV Điện Vũ Khôi;

CHỨNG NHẬN

1. Công ty TNHH MTV Điện Vũ Khôi.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp một thành viên mã số 3301717607 đăng ký lần đầu ngày 08/12/2022; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 20/01/2025 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Huế cấp.

Địa chỉ công ty: Số 14 đường Trần Đại Nghĩa, phường An Cựu, thành phố Huế.

Điện thoại: 094553552.

Tên Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm tra công trình xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 14 đường Trần Đại Nghĩa, phường An Cựu, thành phố Huế.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD HUE. 001

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, CCGD.

**TL. GIÁM ĐỐC
CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG**

Nguyễn Trọng Quang

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD HUE. 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 3997/GCN-SXD ngày 14/8/2025 của Sở Xây dựng thành phố Huế)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
1	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854 - 2023
	Phân loại đất và hỗn hợp cấp phối đất	AASHTO M145
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất, đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; TCVN 10321:2014;
	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135:2024; TCVN 4197 : 2012;
	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198 : 2014;
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199 : 1995
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012
	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332 : 2006 ; ASTM D1883; ASTMO T193-13
	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434 - 2022; AASHTO T49
	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166 -2016
	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014; ASTM D2938 -2002
	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267-2022;
	Xác định góc nghỉ tự nhiên	TCVN 8724:2012; ASTM D1883
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH	ASTM D4980 -2003
	Xác định đặc trưng trương nở và co ngót của đất	TCVN 8719 :2012; TCVN 8720 :2012;
	Xác định hàm lượng thạch cao trong đất	ASTM C471; ASTM D2216
	Xác định cường độ nén mẫu xi măng đất	TCVN 3111:2022; ASTM 1633 - 2017
	Xác định cường độ kháng uốn của mẫu xi măng đất	ASTM D1635 - 2012
	Xác định độ bền theo thời gian của mẫu xi măng đất	ASTM D560 - 96
	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn của hỗn hợp xi măng đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4903:2012

	Xác định đương lượng cát	ASTM D2419 – 2022
	Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất trong phòng thí nghiệm (muối clorua, sunfat, cacbonat và bicacbonat)	TCVN 8727:2012
2	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605 : 2023
	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011;
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích và hàm lượng bột khí	TCVN 6017:2015; TCVN8876:2012;
	Hàm lượng mất khi nung, cặn không tan, MgO, SO ₃ , C ₃ A, (C ₄ AF + 2C ₃ A), Cl ⁻ , Na ₂ O, Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , BaO	TCVN 6820:2015; ASTM C151 -2023 ASTM C114 – 2024
	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005; ASTM C186 – 2005
	Xác định tổng lượng kiềm tương đương (K ₂ O, N ₂ O)	TCVN 141:2023
	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:2020
	Xác định độ giãn nở thanh vữa trong môi trường sunphat	TCVN 7713:2007; TCVN 6068:2024; ASTM C1012 – 2024;
	Xác định độ tách vữa và độ tách nước của vữa	TCVN3109:2022
3	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định, phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110 :1993
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138
	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232
	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; ASTM C403
	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338 :2012; ASTM C403 C403M -2023;
	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39; C42 ASTM C42-18
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022; ASTM C293; C78
	Xác định hàm lượng áp suất xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111:2022; ASTM C173 -2024, ASTM C231 - 2024;
	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107 : 2022; ASTM C1170; BS 1881:104
	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông bằng phương pháp bàn dằn	ASTM C1611 C1611- 2021;
	Bê tông tự lèn: Độ chảy loang, độ nhót, khả năng chảy qua, khả năng chống phân tầng, mức sai lệch cho phép	TCVN 12209:2018; EN 12350 - 2009

	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012 ASTM C1064 - 2017; AASHTO T309 – 2022;
	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022; ASTM C157 -2017; AASHTO T160 - 2022;
	Xác định hàm lượng ion clo trong bê tông	TCVN 9337:2012, TCVN 7572-15 :2006; ASTM C1152 - 2020, ASTM C1218 - 2020, AASHTO T260 - 2021
	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:2022; ASTM C418, C779
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; ASTM C496
	Xác định cường độ lăng trụ, mô đun đàn hồi và hệ số Poisson	TCVN 5726:1993, TCVN 9843:2013; ASTM C496/C496M – 2017;
	Xác định hàm lượng sunphat trong bê tông	TCVN 9336:2012; ASTM C1152 – 2020, ASTM C1202 -2022, ASTM C1218 - 2020; AASHTO T260 - 2021
	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78; ASTM C293;
	Gối công bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015
	Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp (Phương pháp kéo đứt)	TCVN 9491:2012; ASTM C1583 C1583M-04
	Bê tông chịu nhiệt: Xác định khối lượng thể tích sau khi nung; Xác định cường độ nén sau khi nung; Xác định độ thay đổi chiều dài sau khi nung	ASTM C134-95(2016); ASTM C133-97(2015); ASTM C133-14
4	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG, VỮA, CÁT SẠN LẤP, CÁT NGHIỀN, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐÁ MI, ĐÁ GỐC	
	Xác định thành phần cỡ hạt, thành phần thạch học, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước, độ xốp và độ hồng, độ ẩm, hàm lượng bùn, bụi sét trong cốt liệu, tạp chất hữu cơ, cường độ mềm hóa của đá gốc; xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; xác định tạp chất hữu cơ phương pháp so màu; xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn; xác định độ bền cốt liệu; xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ; xác định khả năng phản ứng kiềm silic; xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ; xác định hàm lượng hạt mềm yếu phong hóa; xác định hàm lượng clorua; xác định hàm lượng silic oxit vô định hình; xác định chỉ số metylen xanh; xác định độ mài mòn va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572:2006; TCVN 9205:2012; ASTM C136 - 2019; AASHTO T27 - 2023
	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C123 -2023 ; AASHTO T112- 2023, AASHTO T113- 2022
	Xác định hệ số đương lượng cát ES	ASTM D2419-2022; AASHTO T176- 02

	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 14135-5 :2024, TCVN 9205:2012; ASTM C117 - 2023; AASHTO T11 - 2022
	Xác định hàm lượng vỏ sò trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754:2023
5	THÍ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo (thử kéo kim loại, mối nối)	TCVN 197-1 : 2014; TCVN 314 : 2008; ASTM A370 - 2024
	Thử uốn	TCVN 198-1 : 2014; ASTM A370 - 2024 ASTM A90/A 90M;
	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực (thử kéo, thử uốn, thử uốn lại)	TCVN 7937:2013; ASTM A370- 2024
	Thép thanh cốt thép bê tông - thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997; TCVN 5401: 2010; ISO 5173: 2009;
	Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử uốn, thử kéo, thử kéo ngang, kéo dọc	TCVN 8310 :2010, TCVN 8311: 2010, ASTM E190 - 2021
	Thử kéo dây kim loại	TCVN 1824: 1993; ASTM A370 - 2024, ASTM D3953- 2022
	Thử dây cáp thép dự ứng lực	ASTM A1061 - 2020
	Thử kéo đồng bộ thép thanh dự ứng lực	TCVN 11243:2016
	Thử cấp độ bền ren bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370 - 2024 ASTM F606 - 2021
	Ống kim loại - Thử nén bẹp, thử uốn nguyên ống	TCVN 1830:08; TCVN 9245 – 2012, ASTM A370 – 2024,
	Ống kim loại -Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống	TCVN 314:2008, TCVN 197-1:2014; ASTM A370 – 2024;
	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren (coupler)	TCVN 13711-2:2023; ASTM A370 – 2024; TCVN 8163:09; TCVN 197-1:2014
	Lưới thép hàn – thử kéo, thử uốn, thử cắt mối hàn lưới kim loại	TCVN 7937-2:2009, TCVN 197-1:2014
	Xác định khối lượng 1m dài và sai lệch cho phép	TCVN 1651:2018
	Thí nghiệm nắp hố ga, song chắn rác (thử kéo, nén, uốn)	TCVN 10333-3:2014; TCVN 13579-1:2022; BS EN 124-1
	Thí nghiệm nén nắp ống cống	TCVN 10333-3:2014; BS EN 124-2015;
	Thí nghiệm kéo bu lông; thí nghiệm kéo đứt bu lông; kiểm tra khuyết tật; thử đứt gãy trên vòng đệm cát	TCVN 1916:1995; 22TCN 204: 1991; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989; ISO 898-1,2; JIS B1186; ASTM A370
	Thử độ tụt của nêm neo	TCVN 10568 : 2017; ASTM A370 - 2024

	Xác định chiều dày lớp phủ mạ kẽm nóng trên bề mặt gang và thép; lớp sơn	TCVN 10333-3:2014; TCVN 13579-1:2022; TCVN 4392:1986
	Que hàn: Thử kéo, thử uốn	TCVN 197:2014; TCVN 198:2008
	Phương pháp thử kéo cáp dự ứng lực bọc epoxy từng sợi đơn	TCVN 10952:2015;
	Kiểm tra chiều dày thép	AWS D1.1/D1.1M – 2020
	Thử thủy lực ống	TCVN 1832:2008
	Lớp mạ kim loại: Kiểm tra ngoại quan, chiều dày	TCVN 4392:1986; TCVN 7665:2007
	Lớp phủ chống mài mòn: Tổng chiều lớp phủ	ASTM E376-17
	Lớp phủ chống mài mòn: Thí nghiệm phun mù muối	ASTM B117-19
	Thử nghiệm tôn, tấm lợp sóng: Xác định khuyết tật ngoại quan, độ bền kéo, giãn dài	TCVN 8052:09; JIS H0401; JIS Z2241
	Thử nghiệm nhôm, thanh nhôm Profin gang, Inox: Xác định khuyết tật ngoại quan, độ bền kéo, giãn dài	TCXDVN 330:2004; TCVN 5841:1994;
6	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1 : 2011
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4 : 2011
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5 : 2011
	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6 : 2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7 : 2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8 : 2011
	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9: 2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10 : 2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11 : 2011
	Xác định sức kháng trượt bằng con lắc Anh	TCVN 10271 : 2014; ASTM E303 - 2022
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12 : 2011
	Xác định tỷ trọng khối của hỗn hợp bê tông nhựa đã đầm nén sử dụng mẫu bọc Parafin	AASHTO T275-2017
	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Xác định thành phần theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
	Xác định độ hằn lún vết bánh xe của bê tông nhựa	TCVN 13899:2023; AASHTO T324-04;
	Vật liệu xảm chèn khe và vết nứt, thi công nóng và dùng cho mặt đường bê tông xi măng và mặt đường bê tông nhựa	TCVN 9974:2013
7	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG BITUM	
	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005

	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005; TCVN 11710:2017; TCVN 11711:2017
	Xác định tỷ lệ độ kim lún sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h so với khối lượng ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5/D5M-2020
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170:2024;
	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005; ASTM D70/D70M - 2021
	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05;
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
	Xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:2017
	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng	TCVN 11711:2017
8	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỮ TƯƠNG, NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT, NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG HPOLIME GỐC AXIT	
	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
	Xác định hàm lượng nước; Thử nghiệm chưng cất; Xác định độ nhớt tuyệt đối; Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 8818:2011; ASTM D92-2002; AASHTO T48-2006
	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 8818:2011, TCVN 7495:2005; ASTM D5/D5M - 2020
	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 8818:2011, TCVN 7496:2005; ASTM D113 - 2023
	Xác định lượng hoà tan trong Tricloroethylene	TCVN 8818-5:2011, TCVN 7500:2005; ASTM D2042 – 2022
	Xác định độ nhớt Saybolt furol; xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ; xác định hàm lượng hạt quá cỡ; xác định độ khử nhũ; xác định điện tích hạt; xác định trộn với xi măng; xác định độ dính bám và tính chịu nước; xác định chưng cất; xác định bay hơi; thí nghiệm nhận biết nhũ tương nhựa đường gốc axit phân tích nhanh; thí nghiệm nhận biết nhũ tương nhựa đường gốc axit phân tích chậm; xác định khả năng trộn lẫn với nước; xác định khối lượng thể tích; xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường của nhũ tương nhựa đường gốc axit.	TCVN 8817:2011
9	THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định thành phần hạt, độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020
	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
	Xác định lượng mất khi nung của bột khoáng	22TCN 58:1984
	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984, TCVN 8735:2012
	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22TCN 58:1984
	Xác định hệ số thích nước của bột khoáng	22 TCN 58:1984, TCVN 12884-2:2020

10	THÍ NGHIỆM GẠCH, GÓM ỐP LÁT	
	Lấy mẫu; xác định thước kích thước và chất lượng bề mặt; xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích; xác định độ bền uốn và lực uốn gãy; xác định độ mài mòn bề mặt gạch phủ men; xác định hệ số giãn nở nhiệt dài; xác định hệ số giãn nở ẩm; xác định độ bền phủ men đối với gạch men; xác định độ bền hóa học; xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415: 2016
11	THÍ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN	
	Kiểm tra kích thước hình học, độ vuông góc, độ phẳng mặt; xác định độ hút nước, khối lượng thể tích; xác định độ bền uốn và lực uốn gãy; xác định độ mài mòn	TCVN 4732 :2016; TCVN 6415-3: 2016; TCVN 6415-4: 2016; ASTM C503/C503M,
12	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ	
	Khuyết tật ngoại quan, kích thước, độ phẳng mặt thẳng cạnh; độ hút nước; xác định độ ẩm; xác định khối lượng thể tích; xác định cường độ nén; xác định độ co khô	TCVN 9030: 2017; TCVN 3113:2022
13	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Xác định kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ chịu nén; xác định độ hút nước; xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999; TCVN 6355-4:2009; TCVN 6065:199
14	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
	Xác định thước kích thước và chất lượng bề mặt; Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích; xác định độ mài mòn sâu; xác định độ bền uốn và lực uốn gãy; xác định độ mài mòn bề mặt gạch phủ men; xác định hệ số giãn nở nhiệt dài; xác định hệ số giãn nở ẩm; xác định độ bền phủ men đối với gạch men; xác định độ bền hóa học; xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6477:2016; TCVN 6355 - 4: 2009
15	THÍ NGHIỆM GẠCH XÂY	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; xác định độ rỗng; xác định vết nứt do vôi; xác định sự thoát muối	TCVN 6355:2009
16	THÍ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN - GẠCH GRANIT	
	Xác định kiểm tra kích thước khuyết tật ngoại quan; xác định độ hút nước; xác định tải trọng uốn gãy; xác định độ cứng lớp mặt của gạch xi măng lát nền; xác định độ mài mòn.	TCVN 6065:1995
17	THÍ NGHIỆM GẠCH LÁT GRANITO	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định độ cứng lớp mặt, xác định độ cứng lớp mặt; xác định độ mài mòn lớp mặt	TCVN 6065:1995 TCVN 6074:1995
18	THÍ NGHIỆM GẠCH TERAZOO	
	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; độ hút nước bề mặt; Xác định độ mài mòn lớp mặt, xác định cường độ uốn	TCVN 7744:2013; TCVN 6065:1995; TCVN 6355 -3 :2009
19	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ÁP (AAC)	
	Xác định kích thước; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô	TCVN 7559:2011
20	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2011; TCVN 12868:2020
21	THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn, xác định độ lưu động của vữa, khối lượng thể tích của vữa đóng rắn, cường độ uốn, cường độ nén, thời gian bắt đầu đông kết, xác định độ hút nước của vữa đóng rắn, xác định hàm lượng ion clo hòa tan	TCVN 3121 : 2022

	trong nước, cường độ bám dính, xác định thời gian đông kết	
	Vữa polime: Xác định độ bền kéo của vữa đã đông rắn, xác định thời gian công tác, thời gian đông rắn ban đầu và thời gian đông rắn đủ cường độ sử dụng, xác định độ co ngót và hệ số giãn nở nhiệt, xác định độ hấp thụ nước, hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9080 :2012
	Xác định cường độ bám dính	TCVN 3121-12:2022; ASTM C1583 – 2020
	Xác định độ co ngót và hệ số giãn nở nhiệt	TCVN 9080-5:2012
	Xác định độ hấp thụ nước, hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9080-6:2012, TCVN 9028:2011; ASTM C413 - 2023
	Xác định độ chảy, độ chảy lan tỏa	TCVN 9204:2012, TCVN 11971:2018; ASTM C230/C230M-2023;
	Xác định độ tách vữa, độ tách nước	TCVN 3109:2022
	Xác định sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa đông rắn	TCVN 9204 : 2012; ASTM C940 - 2022
	Xác định độ chảy, độ chảy lan tỏa	TCVN 9204:2012, TCVN 11971:2018;
	Xác định lượng vón cục trên sàng kích thước 2mm	TCVN 11971:2018
23	THÍ NGHIỆM ỐNG CỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC	
	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Kiểm tra kích thước và độ vuông góc; Kiểm tra khả năng chịu tải; Kiểm tra độ thấm nước	TCVN 9113:2012
	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước; Kiểm tra khả năng chống thấm nước; kiểm tra khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9116:2012; ASTM C497; JIS 5373
24	THÍ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, PVC-U, PP, PE, HDPE VÀ PHỤ KIỆN ỐNG, TẮM NHỰA MICA	
	Xác định kích thước hình học – độ dày	TCVN 6145:2007
	Thử nghiệm ở 110 °C trong 60 phút	TCVN 8492:2011
	Xác định độ bền của ống trong môi trường hóa chất dung dịch H ₂ SO ₄ , NaOH	TCVN 9070 : 2012; TCVN 6037:95
	Xác định độ bền ngắn hạn phép thử bằng tủ sấy	TCVN 12306: 2018
	Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148 : 2007; ISO 2505
	Xác định nhiệt độ hóa mềm Vicat	TCVN 6147:2003; ASTM D1525
	Xác định độ cứng ống	ASTM D2412
	Xác định độ bền ngắn hạn	TCVN 12306: 2018
	Xác định độ biến dạng không vỡ; xác định độ bền nén, tính uốn cong(ống HDPE); độ va đập; độ bền kéo; độ bền nén (ống PVC); độ hấp thụ nước; độ bền màu; độ bền chịu ăn mòn hoá học; khả năng khó cháy	TCVN 8699-2011
	Ống và phụ tùng ống nối bằng PVC, xác định: tỷ trọng; hệ số giãn nở nhiệt; độ bền kẹp đứt; nhiệt độ làm việc tối đa; mô đun đàn hồi; điểm mềm vicat; điện trở suất bề mặt	TCVN 8491: 2011
	Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 7434 : 2004; ISO 6259-1-3; ASTM D2290
	Lực năng chịu nén ngang	ASTM D2241-15

	Tác động của axit sunfuric	TCVN 6037:95
25	THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU COMPOSITE	
	Độ bền kéo đứt	TCVN 4501-1: 2014 ASTM D638 - 2022
	Độ bền kéo uốn	ASTM D790 - 2017
	Xác định ảnh hưởng khi ngâm trong hóa chất lỏng	TCVN 9847 : 2013
	Xác định kích thước hình học	TCVN 6145:2007
26	THÍ NGHIỆM MÃ KIM LOẠI	
	Độ xốp lớp mạ, Độ bền lớp mạ của kim loại mạ và kim loại nền	TCVN 4392 : 1986
	Chiều dày lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt gang và thép	TCVN 5408:2007
	Xác định khối lượng lớp mạ	TCVN 2053 : 1993; TCVN 4392 : 1986
27	THÍ NGHIỆM PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 6882:2001;
	Xác định lượng sót trên sàng 0.045 mm; Độ nghiền mịn bề mặt blaine, độ ẩm	TCVN 8827:2011
	Xác định hàm lượng mất khi nung, hàm lượng SO ₃	TCVN 8262:2009, TCVN 141:2023
	Xác định hàm lượng SiO ₂ , Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , MgO, CaO	TCVN 7131:2016
28	THÍ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
	Xác định hàm lượng chất khô, khối lượng riêng. Xác định hàm lượng tro; Xác định hàm lượng ion Clo; Xác định lượng nước trộn yêu cầu	TCVN 8826:2024
	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ nén và uốn của bê tông	TCVN 3118:2022, TCVN 3119:2022
	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
29	THÍ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2011
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8826:2011
	Xác định hàm lượng tro	TCVN 8826:2011
	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
	Xác định hàm lượng ion Clo	TCVN 8826:2011
	Xác định lượng nước trộn yêu cầu	TCVN 8826:2011
	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ nén và uốn của bê tông	TCVN 3118:2022, TCVN 3119:2022
30	THÍ NGHIỆM PHỤ GIA HOẠT TÍNH TRO BAY CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA XI MĂNG	
	Độ ẩm	TCVN 8262:2009 ; TCVN 10302:2014
	Xác định độ mịn theo lượng sót trên sàng 0.045mm	TCVN 8827:2011; TCVN 10302:2014
	Xác định hàm lượng SO ₃	TCVN 141:2023; TCVN 10302:2014
	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262: 2009; TCVN10302:2014
	Độ ẩm; Xác định tổng hàm lượng các ôxit SiO ₂ + Al ₂ O ₃ + Fe ₂ O ₃ ; Xác định hàm lượng SO ₃ ; Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009; TCVN 10302:2014; TCVN 141:2023

	Xác định hàm lượng kiềm có hại	TCVN 6882:2001; TCVN 10302:2014
	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 6882:2001; TCVN 10302:2014
31	THÍ NGHIỆM XỈ HẠT LÒ CAO NGHIÊN MỊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định khối lượng riêng, độ mịn qua sàng	TCVN 13605:2023 TCVN 11586:2016
	Xác định bề mặt riêng	TCVN 13605:2023 TCVN 4030:2003
	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 11586:2016, TCVN 6016:2011; TCVN 3121-3:2003.
	Xác định tỷ lệ độ lưu động	TCVN 11586:2016 TCVN 3121-3:2022
	Xác định độ ẩm	TCVN 11586:2016; TCVN 8265:2009
	Xác định hàm lượng magiê oxit (MgO); Anhydric sunfuric (SO ₃)	TCVN 11586:2016; TCVN 8265:2009
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 11586:2016; TCVN 141:2023
	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 11586:2016 TCVN 8265:2009
32	THÍ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM, VỎ BỌC BẮC THẨM, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT, MÀN KÍN KHÍ, CHỈ VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT	
	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D 5261 - 2018, ASTM D 3776 - 2020
	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010; ASTM D4595 - 2024 ; TCVN 8871-1:2011;
	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D 4632 - 2023
	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D 4533 - 2023
	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D 6241 - 2022;
	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D 4833 - 2020
	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5 : 2011; ASTMD3786
	Xác định cường độ chịu kéo mỗi nối	TCVN 9138:2012; ASTM D4884 - 2022; ISO 10321 - 2008
	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	ASTM D2256 - 2021
	Xác định khối lượng riêng của lõi	ASTM D1505 - 2018
	Xác định chịu kéo và giãn dài của lõi	ASTM D1621 - 2023
	Xác định cường độ kéo của lưới địa kỹ thuật	ASTMD6637/D663-2015
	Xác định modul đàn hồi	ASTM D6637/D6637M - 2015

33	THÍ NGHIỆM CAO SU, GỐI CẦU CAO SU, KHE CO GIẢN, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM TẮM CPE, BẢNG CHẶN NƯỚC PVC, BẢNG CẢN NƯỚC, KHỚP NỐI SUNCO	
	Màu sắc, độ thấm nước, độ dày	TCVN 9407:2014; TCVN 9408:2014; ASTM D412 – 2021; ASTM D570
	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt ; độ bền định giãn; độ giãn dư	TCVN 4509:2013, TCVN 9407:2014; TCVN 9408:2014; TCVN 10308:2014; TCVN 9384:2012;
	Xác định thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9409-3: 2014; TCVN 9407: 2014; TCVN 9408:2014; TCVN 10308:2014; TCVN 9384:2012
	Xác định tính uốn	ASTM D790 - 2017
	Xác định độ hóa mềm	ASTM D1525 - 2000
	Xác định bền kéo và độ giãn dài của màng nhựa mỏng	ASTM D882 - 2018
	Xác định độ bền xé rách của cao su; kháng Ozone	ASTM D624 - 2020; TCVN 9408:2014; ASTM D1149 – 2018
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4866 : 2013; TCVN 9407: 2014
	Xác định thay đổi khối lượng hoặc thể tích trong chất lỏng	ASTM D471 - 2021
	Xác định độ bền hóa chất trong môi trường kiềm, môi trường nước muối	TCVN 9407 : 2014, TCVN 4509 : 2013
	Tấm CPE - xác định độ dày, độ bền tách bóc mỗi dán, tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70°C, độ bền trong môi trường hoá chất	TCVN 940 : 2014
	Màng chống thấm – trọng lượng, khối lượng; chỉ số trương nở; độ tách nước; cường độ kháng bóc	ASTM D5261; ASTM D5993; ASTM D5890; ASTM D5891; ASTM D5084; ASTM D6496;
	Nén dài hạn gối cầu cao su cốt bản thép; hệ số hoá già nhiệt; biến dạng nén dư...	ASTM D4014; TCVN 2229:2013; ASTM D573; ISO 188;ISO 815;
	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước; cường độ bám dính sau khi lão hoá nhiệt; Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường; độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1,5bar trong 7 ngày; độ trương nở theo thể tích khi ngâm trong nước, ngâm trong NaCl 10% ở 25°C trong 24h; Chỉ số trương nở	BS EN 14891:07; ISO 1717:99; ASTM D5890; TCVN 8267-4:09
	Độ dính bám cao su với nền cứng	TCVN 4867:13; ASTM D429; ASTM D5890; ISO 1431-1; AASHTO M251; ASTM D1149; ASTM D395; ASTM D4014
34	THÍ NGHIỆM SƠN	
	Màu sắc	TCVN 10832:2015; ASTM D 6628 - 2023
	329.Xác định hệ số phản quang	TCVN 8791:2018

	Xác định kích thước hạt thủy tinh	TCVN 9880:2013; ASTM D 1214 - 2020
	Xác định độ bám dính của lớp phủ bằng thiết bị Pull-Off	ASTM D 4541 -2022
	Xác định độ bền của lớp sơn theo phép thử cắt ô	TCVN 2097:2015, TCVN 6557:2000
	Xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9760 : 2013
	Xác định độ mịn	TCVN 2091 : 2015
	Xác định độ chịu nước	TCVN 8787: 2018
	Xác định độ chịu muối	TCVN 8786 : 2018, TCVN 8787 : 2018
	Xác định độ chịu kiềm	TCVN 8786 : 2018, TCVN 8787 : 2018
	Xác định độ chịu dầu	TCVN 8786 : 2018, TCVN 8787 : 2018
	Xác định độ bền nước	TCVN 8653-2 : 2012; ASTM D 870 - 2020
	Xác định độ bền kiềm	TCVN 8653-3: 2012, TCVN 9014: 2011
	Xác định độ rửa trôi	TCVN 8653-4: 2012
	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-5:2012
	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:12
	Sơn Epoxy (Ổn định thùng chứa; tính đồng nhất; khả năng thi công sơn; bề ngoài màng sơn; thời gian sống; khả năng chịu kiềm; khả năng chịu xăng; HL chất không bay hơi trong sơn; xác định nhựa Epoxy; phù hợp lớp trên; khả năng chịu nước muối; độ bền thời tiết)	TCVN 9011:2011; TCVN 9012:2011; TCVN 9013:2011; TCVN 9014:2011
	Các chỉ tiêu cơ lý tín hiệu GT-VL kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - (Chất tạo màng; Hạt thủy tinh; độ phát sáng; độ bền nhiệt; Nhiệt độ hoá mềm; độ mài mòn; độ kháng cháy; KLR; thời gian bảo quản 1 năm; độ chống trượt; độ phản quang; chiều dày vạch sơn; ngoại quan và kẻ vạch)	TCVN 8791:2018; AASHTO T250-05; ASTMD1394; ASTMD6628-03
	Màn phản quang – chuẩn bị tấm thử; hệ số phản quang; độ bền thời tiết; màu sắc ban ngày, ban đêm; độ bền màu; độ co ngót, độ bền uốn; khả năng tách lớp lót; độ bám dính; độ bền va đập	TCVN 7887:2018
	Hệ chất kết dính gốc Epoxy (độ nhớt; độ chảy sệ; thời gian tạo Gel; cường độ kết dính; độ hấp thụ nước; nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng; khả năng thích ứng nhiệt; hệ số co ngót sau khi đóng rắn; cường độ chịu nén và mô đun đàn hồi khi nén ở điểm chảy; cường độ liên kết)	TVN 7952:2008
	Sơn VECNI: Xác định độ mịn; xác định thời gian chảy và độ nhớt; xác định độ phủ sơn; xác định thời gian khô và độ khô, xác định độ bám dính của màng, cường độ bám dính; xác định độ cứng của màng; xác định độ bền uốn và độ va đập của màng sơn; xác định bóng của màn sơn; xác định màu sắc	TCVN 2091:2015; TCVN 2092:2013; TCVN 2095:93; TCVN 2096:2015; TCVN 2097:2015; TCVN 2098:2007; TCVN 2099:2013; TCVN 2100:2013; TCVN 2101:2016; TCVN 2102:2008; TCVN 11935:2018
	Sơn và Vecni: Xác định phơi nhiễm và nguồn sáng phòng thử nghiệm; phép thử dao động tắt dần của con lắc, phép thử uốn, độ bền va và đập tải trọng rơi	TCVN 11608-3:2016; TCVN 2098:2007; TCVN 2099:2013; TCVN 2100:2013

35	THÍ NGHIỆM RỌ ĐÁ, THẨM ĐÁ, LƯỚI THÉP, DÂY THÉP BỌC NHỰA (GABION, MATTESSE)	
	Sức chịu đựng nhiệt độ cao 105°C lớp PVC	ASTM D1203 - 2023
	Xác định khả năng kháng mài mòn	ASTM D 1242 - 2017
	Khối lượng riêng dây đai và vỏ bọc	ASTM D792 - 2020
	Xác định cường độ và độ giãn dài khi kéo đứt lớp PVC	ASTM D412 - 2021
	Xác định ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi thép	TCVN 1824:1993; ASTM A370 - 2024
	Thử uốn dây kim loại	TCVN 1825:2007
	Khối lượng lớp mạ kẽm	TCVN 2053:1993, TCVN 4392:1986
	Xác định kích thước dây bọc, đường kính, kích thước mắt cáo, dây viền mạ kẽm, chiều dày vỏ bọc.	TCVN 2053:1993
	Xác định kích thước mắt lưới, đường kính dây thép	ASTM D975
	Khối lượng riêng của nhựa PVC	ASTM D792
36	THÍ NGHIỆM TẮM TƯỜNG RỔNG BÊ TÔNG ĐÚC SẴN THEO CÔNG NGHỆ ĐÚC ÉP	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ bền treo vật nặng; Xác định cấp độ bền va đập; Xác định độ hút nước; Xác định cường độ chịu nén	TCVN 11524:2016; TCVN 3113:2022; TCVN 3118:2022
	THÍ NGHIỆM TẮM TƯỜNG BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP CỐT THÉP	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định khối lượng thể tích; Xác định cường độ chịu nén; Xác định độ ẩm; Xác định độ co khô; Xác định khả năng chịu uốn; Xác định độ bền treo vật nặng; Xác định độ bền va đập	TCVN 12868:2020
	THÍ NGHIỆM TẮM THẠCH CAO VÀ PANEL THẠCH CAO CỐT SỢI	
	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh; Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi; xác định cường độ chịu uốn; xác định độ kháng nhỏ; Xác định độ biến dạng ẩm; Xác định độ hút nước; xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257:2009, TCVN 13560 : 2022; ASTM C473-2019
	Thử tải khung trần	TCVN 12694:2020; ASTM C635
	Hàm lượng chất lưu huỳnh dễ bay hơi	ASTM C471/C471M-2020
37	THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH CƠ BẢN ĐẤT SÉT, VẬT LIỆU XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng SiO_2 ; xác định hàm lượng Al_2O_3 ; xác định hàm lượng Fe_2O_3 ; xác định hàm lượng CaO ; xác định hàm lượng MgO ; xác định hàm lượng SO_3 ; xác định hàm lượng K_2O ; xác định hàm lượng Na_2O ; xác định hàm lượng Cl^- ; xác định hàm lượng MnO ; xác định hàm lượng MKN; xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 7131:2002
38	THÍ NGHIỆM THẠCH CAO	
	Xác định hàm lượng $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$; Xác định hàm lượng nước liên kết; Xác định hàm lượng SO_3	TCVN 8654:2001
39	THÍ NGHIỆM TẮM LỘP AMIĂNG XI MĂNG	
	Thời gian không xuyên nước; Lực uốn gãy; khối lượng thể tích; độ xuyên nước	TCVN 4435:2000
40	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỘP	
	Xác định tải trọng uốn gãy của ngói; xác định độ hút nước của ngói; xác định thời gian xuyên nước của ngói; xác định khối lượng 1m^2 ngói bão hoà nước	TCVN 1452:2023; TCVN 1453:2023; TCVN 4313:2023; TCVN 9133:2011; TCVN 4435:2000;

		TCVN 8259-1:2009
42	THÍ NGHIỆM NGÓI TRẮNG MEN	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định tải trọng uốn gãy của ngói; Xác định độ hút nước của ngói; Xác định khối lượng 1m ² ngói bảo hoà nước; Độ bền hoá của men	TCVN 7195:2012
43	THÍ NGHIỆM SỬ VỆ SINH	
	Kiểm tra ngoại quan và sai lệch kích thước của sản phẩm; Kiểm tra kích thước và độ biến dạng sản phẩm; kiểm tra độ bền nhiệt; kiểm tra độ bền hóa của men; xác định độ thấm mực; xác định khả năng chịu tải; Xác định độ xả thoát của bề xi bằng giấy vệ sinh; Xác định độ xả thoát của bề xi bằng bi nhựa; Xác định tốc độ chảy của nước từ kết nước; Xác định độ làm sạch bề mặt của bề xi; Xác định mức độ vệ sinh của bề xi; Xác định mực nước trong xi phong của bề xi; Xác định độ rộng xi phong của bề xi; Kiểm tra sự rò rỉ nước của bề xi; Kiểm tra sự rò rỉ khí của bề xi; Xác định khả năng thoát nước của chậu rửa; Xác định tốc độ chảy tràn nước của chậu rửa; Xác định độ hút nước bằng phương pháp đun sôi	TCVN 5436:2006
44	THÍ NGHIỆM BỘT BẢ TƯỜNG	
	Xác định độ mịn; Xác định độ thời gian đông kết; Xác định độ giữ nước; Xác định độ cứng bề mặt	TCVN 7239:2014
45	THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU GẠC CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	
	Đảm nén chặt đất gia cố bằng chất kết dính; Xác định cường độ kháng ép đất gia cố bằng chất kết dính; Xác định mô đun biến dạng đất gia cố bằng chất kết dính	22TCN 59: 1984; TCVN 13598-2:2022; EN 13279-2
	Xác định mô đun đàn hồi đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013
	Xác định cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011;
46	THÍ NGHIỆM GỖ, VÁN GỖ	
	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý; Khối lượng thể tích; độ bền uốn tĩnh; nên vuông góc với thớ; ứng suất kéo song song thớ; ứng suất kéo vuông góc thớ; ứng suất cắt song song thớ, độ bền cắt song song thớ của gỗ xe; độ bền uốn va đập; độ cứng tĩnh; độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến; độ co rút thể tích; độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến; độ giãn nở thể tích	TCVN 13707:2023; TCVN11943:2023; TCVN 11945:2023; TCVN 11906:2017; TCVN 11949:2018; TCVN11950:2018; TCVN 11951:2018; TCVN 11952:2018
	Xác định kích thước; độ vuông góc; độ thẳng cạnh; độ ẩm; khối lượng thể tích; Trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước; Trương nở chiều dày; Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván; Độ bền ẩm; Chất lượng dán dính của ván gỗ dán; Độ bền bề mặt; Lực bám giữ đinh vít; Độ thay đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm	TCVN 11905:2017; TCVN 11906:2017; TCVN 11907:2017; TCVN 5694:2014
	Ván sàn gỗ nhân tạo: Xác định: Độ trương nở chiều dày; Độ bền bề mặt; Độ thay đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm	EN 13329:2006
	Gỗ ghép keo: Xác định kích thước: Độ ẩm; Khối lượng thể tích ở trạng thái tự nhiên; Khối lượng thể tích ở trạng thái khô tuyệt đối; Độ bền uốn tại mối nối: Độ bền kéo tại mối nối; Độ bền kéo dọc thớ; Độ bền nén dọc thớ; Độ bền trượt của mạch keo; Thử tách mạch keo	TCVN 8574:2010; TCVN 8576:2010; TCVN 8577:2010
47	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
	Đo độ nhám mặt đường bằng con lăn Anh	TCVN 10271:2014; ASTM E303 – 22
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965 - 2024

Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011;
Xác định modul đàn hồi "E" nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695, D1195;
Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan mẫu	TCVN 12252:2020, TCVN 3118:2022, TCXDVN 239-2006, TCVN 10303:2014;
Xác định mô đun biến dạng "E" tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 12; ASTM D4395 – 2017; ASTM D1194:94; AASHTO T235
Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkenman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695,D1195; AASHTO T256, T221
Xác định lực và cường độ kéo nhỏ của bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900 - 2023, ASTM E1512 - 2023 ; BS EN 8539, EN 12504-3
Xác định lực kéo nhỏ thép, bulon, vít cấy trên kết cấu	ASTM D4435 - 2013
Xác định khả năng chịu tải của dầm giáo	TCVN 9344:2012, TCVN 6052:1995 , TCXDVN 296:2004
Xác định dung trọng , độ ẩm của đất, cát bằng PP dao đai	22TCN 02:1971, TCVN 12791 : 2020 ; ASTM D2937- 2017; TCVN 8729:2012; TCVN 8728:2012;
Phương pháp thí nghiệm độ chặt hiện trường nền đắp đá, đá lẫn đất bằng phương pháp rót nước	ASTM D5030-04
Phương pháp thí nghiệm độ chặt hiện trường nền đắp đá, đá lẫn đất bằng phương pháp rót cát	ASTM D4919
Xác định độ chặt sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012
Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất, đá dăm, đá mi trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556 D1556M –2015; AASHTO T 191-2018
Đất xây dựng - thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 : 2012 ASTM D1586 -2018
Đo điện trở đất – Chống sét cho công trình xây dựng	TCVN 9385:2012
Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; TCVN 10272: 2014
Xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406 -2012
Xác định tỷ trọng khô trong tình trạng nguyên bản của đất bằng cách sử dụng phương pháp thay thế nước trong hồ thử	ASTM D5030 D5030M-21
Xác định mật độ và trọng lượng đơn vị của đất và đá tại hiện trường bằng phương pháp thay thế cát trong hồ thử	ASTM D4914 - 2016
Phương pháp thử tải uốn, nên cài kiện bê tông cốt thép	ASTM D6272

	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8731:2012
	Thí nghiệm thử tải khung trần treo	TCVN 12694:2020 ASTM C635M-07
	Bó vỉa bê tông: Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
	Phương pháp thử tải để công bê tông cốt thép	TCVN 10799:2015
	Định phân quan dùng cho đường giao thông: Xác định cường độ sáng, màu sắc, và lực thẳng đứng của thân định đường, và khả năng chịu lực cắt của chân cắm, độ bền của tấm phản quang	TCVN 12584:2019
	Phương pháp thí nghiệm cường độ của neo liên kết trong bê tông và khối xây	ASTM E488:96
	Tấm ốp ngoài trời PVDF: Xác định độ bền uốn, mô đun đàn hồi: Xác định lực chịu xuyên, ứng suất cắt: Xác định lực chịu bóc ở 180	ASTM D790; ASTM D732;
	Đo điện trở đất trong phòng và hiện trường	TCVN 9385:2012; TCVN 9432:2012; ASTM G57-2010;
48	THÍ NGHIỆM CỘT ĐIỆN, BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM	
	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bê tông.	TCVN 5847:16; TCVN 10797:15; TCVN 3118:22;
49	THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU CÁCH NHIỆT	
	Xác định: Kích thước; độ bền uốn; độ bền nén ở nhiệt độ thường; Khối lượng thể tích và độ xốp thực; Độ dẫn nhiệt bằng phương pháp tấm phẳng	TCVN 7950:2008; TCVN 7949:2008
50	THÍ NGHIỆM HỖN HỢP CÀO BÓC TÁI SINH NGUỘI	
	Các chỉ tiêu cơ lý của hỗn hợp cào bóc tái sinh nguội sử dụng xi măng hoặc xi măng và nhũ tương nhựa đường; Cường độ chịu kéo khi ép chế, cường độ chịu nén; Cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 13150:1-2020; ASTM D6931; BS EN 12697-23
	Các chỉ tiêu cơ lý của hỗn hợp cào bóc tái sinh nguội sử dụng nhựa đường bột và xi măng; Cường độ chịu kéo khi ép chế, cường độ chịu nén; Cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 13150:1-2020; ASTM D6931; BS EN 12697-23
48	THÍ NGHIỆM ĐÁ VÔI	
	Xác định hàm lượng SiO_2 ; Fe_2O_3 , Al_2O_3 , MgO ; CaO ; Lượng mất khi nung; SO_3^{2-}	TCVN 9191:2012; JIS M8850; EN 459-2
	Xác định: Hàm lượng cặn không tan trong axit (CKT); Hàm lượng Cl^- ; Hàm lượng K_2O ; Na_2O	TCVN 9191:2012; TCVN 141:2008
	Xác định: Hàm lượng hạt không tôi được; Hàm lượng $(\text{CaO}+\text{MgO})$ hoạt tính; Độ ẩm	TCVN 2231:2016
51	THÍ NGHIỆM VÁN SÀN COMPOSITE GỖ NHỰA, VÁN GỖ NHÂN TẠO	
	Phân tích chất lượng; kích thước và sai số kích thước; khối lượng của mỗi mét dài ván sàn Composite gỗ nhựa rừng tâm,; Tính chất vật lý, cơ học; hàm lượng giới hạn chất có hại trong ván sàn composite gỗ nhựa dùng trong nội thất	TCVN 7954:2008 TCVN 11353:2016; TCVN 11351:2016; TCVN 11352:2016; TCVN 12446:2018; TCVN 12445:2018; TCVN 12447:2018; TCVN 11903:2017; TCVN 11904:2017; TCVN 11905:2017; TCVN 11906:2017; TCVN 11907:2017; TCVN 10311:2015; TCVN 8328:2010; TCVN 8330:2010

52	THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU NHẹ CHO BÊ TÔNG-SỎI, DẪM SƠN VÀ CÁT KERAZIT	
	Xác định thành phần cỡ hạt; xác định khối lượng thể tích; xác định độ bền xi lanh; xác định khối lượng mất khi đun sôi; xác định độ hút nước; xác định độ ẩm	TCVN 6221:1997
53	THÍ NGHIỆM KEO DÁN GẠCH, VẬT LIỆU LÀM PHẪNG SÀN	
	Cường độ bám dính khi cắt; xác định độ trượt; xác định độ mịn; xác định thời gian công tác; thời gian mở; xác định biên dạng ngang; xác định độ bền hoá	TCVN 7899:2008; ISO 13007-2;
54	THÍ NGHIỆM THANH PROFILE POLYVINYL CLORUA KHÔNG HÓA ĐỂ (PVC-U)	
	Kích thước và dung sai thanh profile, nhôm định hình	TCVN 5838:1994; TCVN 5841:1994; BS 4873:2009;
	Độ võng, khối lượng thanh profile chính, sự thay đổi kích thước thanh sau gia nhiệt, độ bền nhiệt thanh	BS EN 12608:2016; BS EN 479;
	Độ bền giãn dài khi đứt, độ bền va đập, độ bền thời tiết, độ bền màu	TCVN 4501-1:2009; ISO 527-1:2012;
	Độ bền uốn, mô đun đàn hồi	ISO 178:2003; ASTM D790
55	THÍ NGHIỆM VÁN MỎNG (VENNERS)	
	Xác định độ ẩm; xác định khối lượng thể tích; xác định kích thước hình học và sai lệch kích thước; xác định độ vuông góc	TCVN 10574:14; TCVN 5694:14
56	THÍ NGHIỆM TẤM ALUMINIUM COMPOSITE	
	Sai lệch kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, độ phẳng; thử bẻ gấp; độ bền uốn; modun đàn hồi; nhiệt độ làm biến dạng; lực chịu xuyên; độ dày lớp sơn; độ bền va đập; tính chịu nước sôi; tính chịu axit; tính chịu kiềm; tính chịu dầu; tính chịu dung môi	TCVN 5841:1994; ASTM D790 - 2017
57	THÍ NGHIỆM TẤM COMPACT, TẤM LAMINATE (FORMICA), TẤM CÁCH NHIỆT	
	Sai lệch kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, độ phẳng; độ bền nén; độ bền va đập; độ bền ngâm nước sôi; cơ tính thấm PVC	TCVN 5841:1994; TCVN 5819:1994; ASTM D5628-10; BS EN483; ISO 4586
58	THÍ NGHIỆM TẤM TRẢI VÀ THẨM SÉT CHỐNG THẨM	
	Xác định ứng suất nén	ASTM D2523-13
	Xác định độ giữ nước	ASTM D4551-17
	Xác định cường độ liên kết	ASTM D903-98(2017)
	Xác định độ ẩm	ASTM D2216-10
	Xác định độ trương nở nước của khoáng sét	ASTM D5890-11
	Xác định độ mất nước của khoáng sét	ASTM D5891-02
	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	ASTM D5993-18
	Xác định sức kháng cắt	ASTM D6243-16
	Xác định độ bốc hơi	ASTM E96-16
	Xác định cường độ kháng nén	ASTM D965-15
	Xác định cường độ kháng uốn	ASTM D790-17
	Xác định khối lượng thể tích và khối lượng riêng	ASTM D792-13
	Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài; độ bền nhiệt	TCVN 9067:2012
59	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ	
	Xác định các chỉ tiêu cơ lý của đá	22TCN57:84; ASTM D2216:10
	Xác định khối lượng thể tích của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
	Thí nghiệm cắt trực tiếp của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014; ASTM D5607 - 2008

	Xác định cường độ và mô đun đàn hồi	ASTM D7012 - 2016
60	THÍ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
	Xác định khuyết tật ngoại quan, chiều dày, độ cong vênh; xác định độ bền va đập bằng bi rơi,	7368:2004; TCVN

Ghi chú (*) các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.